

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 3 - 2025

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải

Bà Hà Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1992.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, Thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh L, T - T, sinh năm 1979.

Quốc tịch Trung Quốc

Hộ chiếu số 315942405 cấp ngày 16/10/2017.

Địa chỉ: Số nhà G, ngõ A, đường Đ, xóm E, phường Đ, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22/11/2017, chị và anh L, T – T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15. Anh chị tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn xong, anh chị sinh sống cùng với gia đình của anh L, T - T tại số nhà G, ngõ A, đường Đ, xóm E, phường Đ, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan. Từ năm 2018 đến năm 2019, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, văn hóa, mặc dù anh chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Năm 2019, chị đã trở về Việt

Nam. Từ đó đến nay, anh chị không còn liên hệ với nhau nữa, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, T – T

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh L, T – T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam đã thực hiện ủy thác tư pháp hồ sơ dân sự đến cơ quan có thẩm quyền theo Công văn số 04/TTTPHNGĐ-TA ngày 31/5/2024 để tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn anh L, T - T theo địa chỉ tại Đài Loan được nguyên đơn cung cấp cũng như địa chỉ có tại hồ sơ khi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ngày 16/12/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận được Công văn số 3794/BTP-PLQT ngày 06/12/2024 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp cho bị đơn anh L, T - T tại Đài Loan, theo đó Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 14/10/2024 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng đương sự.

Tại phiên tòa xét xử công khai ngày 20/02/2025, bị đơn anh L, T – T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do và không có ý kiến thể hiện quan điểm liên quan đến việc chị Á có đơn xin ly hôn với anh.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai và Tòa án vẫn chưa nhận được quan điểm của anh L, T - T về việc ly hôn với chị Á.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho người ở cùng địa chỉ với bị đơn theo địa chỉ hợp lệ của bị đơn qua hồ sơ đăng ký kết hôn và nguyên đơn cung cấp, nhưng không có phản hồi từ bị đơn. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại các Điều 474, 476, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Á, cho chị Á được ly hôn với anh L, T - T; Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Chị Á phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Á, quốc tịch: Việt Nam có địa chỉ thường trú: Tổ dân phố A, Thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh L, T - T, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan), địa chỉ cư trú: Số nhà G, ngõ A, đường Đ, xóm E,

phường Đ, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan. Nên đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464 và Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh L, T – T đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và thu thập chứng cứ qua địa chỉ Số nhà G, ngõ A, đường Đ, xóm E, phường Đ, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan là địa chỉ đã được nguyên đơn cung cấp bổ sung. Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 14/10/2024 bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng đương sự. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa, bị đơn anh L, T – T không gửi quan điểm liên quan đến việc giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh .

Căn cứ Điều 227, Điều 474, Điều 477 và Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vụ án và hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 20/02/2025. Do đó, tại phiên tòa mở lần thứ hai hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh L, T – T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Á và anh L, T – T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn xong, hai vợ chồng sinh sống cùng với gia đình của anh L, T – T tại số nhà G, ngõ A, đường Đ, xóm E, phường Đ, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan. Từ năm 2018 đến năm 2019, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, văn hóa. Năm 2019, chị đã trở về Việt Nam. Từ đó đến nay, anh chị không còn liên hệ với nhau nữa, anh chị ly thân từ đó đến nay. Xét khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân đã gần 06 năm, không còn mối quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình không đạt được, các bên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Á, cho chị Á được ly hôn với anh L, T – T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2.] Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết

[2.3.] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết

[3] Án phí: Chị Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng: Đã quyết toán xong.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 37; Khoản 2 Điều 38; Điều 39; Điều 147; Điều 207; khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Á đối với anh L, T – T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Á được ly hôn với anh L, TSUNG - TSAI
2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết
3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000177 ngày 16/5/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Á phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) về việc ủy thác thu thập chứng cứ và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) về việc ủy thác tổng đạt giấy tờ sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000178 ngày 16/5/2024, số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000179 ngày 16/5/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Nguyễn Thị Á được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L, T - T được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)
Nguyễn Thị Thủy**